



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

## MỤC LỤC

|                                                                                                 | Trang   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục                                                                                      | 1       |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị                                                                | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập                                                                    | 4       |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019                                           | 5 - 8   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 9       |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019           | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019    | 12 - 28 |
| 8. Phụ lục                                                                                      | 29      |

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên           | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm                      |
|---------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Thân Quốc Tường | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015 |
| Bà Nguyễn Thị Chinh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2009  |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Thân Quốc Tường - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Bà Mai Xuân Dung**  
Chủ tịch

Ngày 25 tháng 3 năm 2020



|                     |                                                                                       |                          |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| Head Office         | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam                        |                          |
|                     | Tel: +84 (028) 3547 2972                                                              | Fax: +84 (028) 3547 2970 |
| Branch in Hà Nội    | : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam                                |                          |
|                     | Tel: +84 (024) 3736 7879                                                              | Fax: +84 (024) 3736 7869 |
| Branch in Nha Trang | : Lot 51H06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam |                          |
|                     | Tel: +84 (0258) 246 5151                                                              | Fax: +84 (0258) 246 5806 |
| Branch in Cần Thơ   | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam                     |                          |
|                     | Tel: +84 (0292) 376 4995                                                              | Fax: +84 (0292) 376 4996 |

kttv@a-c.com.vn  
kttv.hn@a-c.com.vn  
kttv.nt@a-c.com.vn  
kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0601/20/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

  
Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

  
Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1832-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>38,445,913,480</b> | <b>40,338,781,907</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>1,107,354,900</b>  | <b>786,760,275</b>    |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 1,107,354,900         | 786,760,275           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>30,244,355,456</b> | <b>32,647,702,988</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 26,389,322,303        | 29,109,025,598        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3         | 522,257,650           | 301,527,650           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4a        | 4,559,262,602         | 4,534,614,637         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.5         | (1,226,487,099)       | (1,297,464,897)       |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> | <b>V.6</b>  | <b>4,925,092,856</b>  | <b>4,069,798,934</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        |             | 5,205,998,876         | 4,069,798,934         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | (280,906,020)         | -                     |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>2,169,110,268</b>  | <b>2,834,519,710</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |             | -                     | -                     |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.12        | 2,169,110,268         | 2,834,519,710         |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>2,797,256,236</b>  | <b>3,226,351,813</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>85,532,644</b>     | <b>-</b>              |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                     | -                     |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.4b        | 85,532,644            | -                     |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>977,285,329</b>    | <b>1,194,103,446</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.7         | 939,827,001           | 1,129,881,228         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 10,400,735,996        | 10,682,328,496        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (9,460,908,995)       | (9,552,447,268)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                     | -                     |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.8         | 37,458,328            | 64,222,218            |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 265,565,930           | 242,065,930           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (228,107,602)         | (177,843,712)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                     | -                     |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                     | -                     |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>1,000,000,000</b>  | <b>1,000,000,000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        | V.9         | 1,000,000,000         | 1,000,000,000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                     | -                     |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                     | -                     |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>734,438,263</b>    | <b>1,032,248,367</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.10        | 734,438,263           | 1,032,248,367         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                     | -                     |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                     | -                     |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>41,243,169,716</b> | <b>43,565,133,720</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>23,351,945,708</b> | <b>27,142,526,238</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>16,545,412,908</b> | <b>17,339,514,463</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 13,674,545,696        | 14,082,725,766        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | -                     | 11,508,000            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.12        | 608,879,637           | 1,149,357,032         |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.13        | 1,516,852,704         | 1,348,745,335         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.14a       | 674,421,568           | 721,186,270           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                     | -                     |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.15        | 70,713,303            | 25,992,060            |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>6,806,532,800</b>  | <b>9,803,011,775</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.14b       | 6,806,532,800         | 9,803,011,775         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                     |

315-C  
 TY  
 HỮU HẠN  
 TƯ VẤN  
 C  
 ICHV

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>17,891,224,008</b> | <b>16,422,607,482</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>17,891,224,008</b> | <b>16,422,607,482</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.16        | 12,000,000,000        | 12,000,000,000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 12,000,000,000        | 12,000,000,000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                     | -                     |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                     | -                     |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        | V.16        | 3,216,843,430         | 3,193,343,430         |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                              | 415        |             | -                     | -                     |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                     | -                     |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                     | -                     |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.16        | 1,107,185,378         | 1,130,685,378         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                     | -                     |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        | V.16        | 48,857,431            | -                     |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.16        | 1,518,337,769         | 98,578,674            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | -                     | 98,578,674            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 1,518,337,769         | -                     |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431        |             | -                     | -                     |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>41,243,169,716</b> | <b>43,565,133,720</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Phạm Thị Huệ  
Người lập

Phạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng



Thân Quốc Tường  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 32,378,393,401       | 34,548,699,129       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                    | -                    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 32,378,393,401       | 34,548,699,129       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 25,518,175,887       | 27,589,291,599       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 6,860,217,514        | 6,959,407,530        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 1,775,524            | 51,659,547           |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    |             | 85,400,000           | -                    |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 85,400,000           | -                    |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -                    | -                    |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.4        | 4,538,848,967        | 5,565,158,841        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 2,237,744,071        | 1,445,908,236        |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.5        | 13,934,000           | 535,108,939          |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.6        | 283,004,688          | 4,538,859            |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | (269,070,688)        | 530,570,080          |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 1,968,673,383        | 1,976,478,316        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.12        | 450,335,614          | 347,897,270          |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                    | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>1,518,337,769</u> | <u>1,628,581,046</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.7        | -                    | -                    |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.7        | -                    | -                    |

Phạm Thị Huệ  
Người lậpPhạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Phạm Quốc Tường  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay            | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |           |             |                    |                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01        |             | 1,968,673,383      | 1,976,478,316          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |           |             |                    |                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02        | V.7, V.8    | 240,318,117        | 382,629,460            |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03        | V.5, V.6    | 209,928,222        | 254,528,055            |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04        |             | -                  | -                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05        | VI.3, VI.5  | (12,592,602)       | (85,338,991)           |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06        |             | 85,400,000         | -                      |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07        |             | -                  | -                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08        |             | 2,491,727,120      | 2,528,296,840          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09        |             | 3,009,031,681      | (1,745,807,278)        |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10        |             | (1,136,199,942)    | (489,352,584)          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11        |             | (3,868,491,402)    | (2,460,111,677)        |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12        |             | 297,810,104        | 320,219,687            |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13        |             | -                  | -                      |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14        |             | (85,400,000)       | -                      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15        | V.12        | (394,406,985)      | (200,576,270)          |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16        |             | -                  | -                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17        | V.15        | (5,000,000)        | (69,100,000)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b> |             | <b>309,070,576</b> | <b>(2,116,431,282)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |           |             |                    |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21        | V.8         | (23,500,000)       | -                      |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22        | V.7, VI.5   | 12,500,000         | 36,363,636             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23        |             | -                  | -                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24        |             | -                  | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25        |             | -                  | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26        |             | -                  | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27        | V.4, VI.3   | 45,263,049         | 3,804,908              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                           | <b>30</b> |             | <b>34,263,049</b>  | <b>40,168,544</b>      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|----------------------|------------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                      |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                    | -                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                    | -                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        |             | 4,000,000,000        | -                      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        |             | (4,000,000,000)      | -                      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                    | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        | V.14        | (22,739,000)         | (29,200,000)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>(22,739,000)</b>  | <b>(29,200,000)</b>    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>320,594,625</b>   | <b>(2,105,462,738)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>786,760,275</b>   | <b>2,892,223,013</b>   |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>                             | <b>61</b> |             | <b>-</b>             | <b>-</b>               |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>1,107,354,900</b> | <b>786,760,275</b>     |

Phạm Thị Huệ  
Người lập

Phạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020



Thân Quốc Tường  
Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ - Xây dựng Công trình Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu đô thị; tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính, kế toán); thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng, công nghiệp; Sản xuất vật liệu xây dựng, cột ăng ten, bê tông đúc sẵn (không sản xuất tại trụ sở); mua bán vật tư, thiết bị xây dựng, thiết bị cơ, điện, điện tử, bưu chính, viễn thông, tin học; kinh doanh bất động sản; giám sát, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin liên lạc.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **6. Cấu trúc Công ty**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Đông Tây PTCO có trụ sở chính tại số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xây dựng công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, công nghiệp, dân dụng, giao thông. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 68 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian 60 tháng.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 08-26         |
| Máy móc và thiết bị             | 03-05         |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 08-10         |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 05            |

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình chỉ có phần mềm máy tính, giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 10. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | Số cuối năm   | Số đầu năm  |
|---------------------------------|---------------|-------------|
| Tiền mặt                        | 7.179.427     | 15.023.166  |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.100.175.473 | 771.737.109 |
| Cộng                            | 1.107.354.900 | 786.760.275 |

##### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu bên liên quan</i>                                         | <i>7.443.978.141</i>  | <i>6.920.052.758</i>  |
| Công ty TNHH MTV Đông Tây PTCO                                        | 7.443.978.141         | 6.920.052.758         |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i>                                   | <i>18.945.344.162</i> | <i>22.188.972.840</i> |
| Ban quản lý Dự án Tây Thành phố - Viễn thông TP. Hồ Chí Minh          | 13.450.784.868        | 12.523.171.420        |
| Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng | 157.472.454           | 1.991.894.053         |
| Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Viễn Thông                             | 2.771.605.080         | -                     |
| Các khách hàng khác                                                   | 2.565.481.760         | 7.673.907.367         |
| Cộng                                                                  | 26.389.322.303        | 29.109.025.598        |

##### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|------------------------------------------------|-------------|-------------|
| Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn            | 239.027.650 | 239.027.650 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Phú Hoàng Anh | 124.480.000 | -           |
| Công ty TNHH Điện tử Viễn thông Đại Dương      | 99.000.000  | -           |
| Các nhà cung cấp khác                          | 59.750.000  | 62.500.000  |
| Cộng                                           | 522.257.650 | 301.527.650 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                             | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|---------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                             | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <b>Phải thu bên liên quan</b>               | <b>466.773.282</b>   | -        | <b>421.005.552</b>   | -        |
| Công ty TNHH MTV Đông Tây                   |                      |          |                      |          |
| PTCO - Ký cược, ký quỹ ngắn hạn             | 466.773.282          | -        | 375.835.105          | -        |
| Công ty TNHH MTV Đông Tây                   |                      |          |                      |          |
| PTCO - Lợi nhuận được chia                  | -                    | -        | 45.170.447           | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b> | <b>4.092.489.320</b> | -        | <b>4.113.609.085</b> | -        |
| Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn          | 1.681.357.051        | -        | 1.174.979.945        | -        |
| Tạm ứng                                     | 34.334.270           | -        | 39.746.000           | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác            | 2.376.797.999        | -        | 2.898.883.140        | -        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>4.559.262.602</b> | -        | <b>4.534.614.637</b> | -        |

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác là khoản ký quỹ bảo hành công trình còn phải thu.

**5. Nợ xấu**

|                                                                    | Thời gian<br>quá hạn                             | Số cuối năm |                           | Thời gian<br>quá hạn                             | Số đầu năm  |                           |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------|--------------------------------------------------|-------------|---------------------------|
|                                                                    |                                                  | Giá gốc     | Giá trị có<br>thể thu hồi |                                                  | Giá gốc     | Giá trị có<br>thể thu hồi |
| Ban quản lý Dự án Tây<br>Thành phố - Viễn thông<br>TP. Hồ Chí Minh |                                                  | 203.562.916 | 138.769.100               |                                                  | 203.562.916 | 138.769.100               |
| <i>Phải thu tiền cung cấp<br/>dịch vụ</i>                          | <i>Quá hạn từ 02<br/>năm đến dưới<br/>03 năm</i> | 138.769.100 | 138.769.100               | <i>Quá hạn từ 01<br/>năm đến dưới<br/>02 năm</i> | 138.769.100 | 138.769.100               |
| <i>Phải thu tiền cung cấp<br/>dịch vụ</i>                          | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 64.793.816  | -                         | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 64.793.816  | -                         |
| Viễn thông Bình Dương                                              |                                                  | 284.264.023 | 16.755.723                |                                                  | 284.264.023 | 16.755.723                |
| <i>Phải thu tiền cung cấp<br/>dịch vụ</i>                          | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 284.264.023 | 16.755.723                | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 284.264.023 | 16.755.723                |
| Ban quản lý Dự án Đầu<br>tư Xây dựng Công trình<br>Hóc Môn         |                                                  | 93.317.526  | -                         |                                                  | 93.317.526  | -                         |
| <i>Phải thu tiền cung cấp<br/>dịch vụ</i>                          | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 93.317.526  | -                         | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 93.317.526  | -                         |
| Tổng Công ty Hạ tầng<br>Mạng VPT – NET                             |                                                  | 64.919.135  | -                         |                                                  | 353.542.523 | 217.645.590               |
| <i>Phải thu tiền cung cấp<br/>dịch vụ</i>                          | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 64.919.135  | -                         | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 353.542.523 | 217.645.590               |
| Ban quản lý Dự án<br>Viễn thông TP. Hồ Chí<br>Minh                 |                                                  | 404.874.699 | -                         |                                                  | 404.874.699 | -                         |
| <i>Phải thu tiền cung cấp<br/>dịch vụ</i>                          | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 404.874.699 | -                         | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 404.874.699 | -                         |
| Công ty Xây dựng Giao<br>thông Sài Gòn                             |                                                  | 239.027.650 | -                         |                                                  | 239.027.650 | -                         |
| <i>Ứng trước phí cung cấp<br/>dịch vụ</i>                          | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 239.027.650 | -                         | <i>Quá hạn trên<br/>03 năm</i>                   | 239.027.650 | -                         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                                      | Thời gian<br>quá hạn              | Số cuối năm          |                           | Thời gian<br>quá hạn              | Số đầu năm           |                           |
|--------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|---------------------------|
|                                      |                                   | Giá gốc              | Giá trị có<br>thể thu hồi |                                   | Giá gốc              | Giá trị có<br>thể thu hồi |
| Công ty Thiết kế Bưu Điện            |                                   | 24.000.000           | -                         |                                   | 24.000.000           | -                         |
| Ứng trước phí cung cấp dịch vụ       | Quá hạn trên 03 năm               | 24.000.000           | -                         | Quá hạn trên 03 năm               | 24.000.000           | -                         |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác |                                   | 544.857.236          | 476.811.263               |                                   | 544.857.236          | 476.811.263               |
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ       | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | -                    | -                         | Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 365.450.483          | 365.450.483               |
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ       | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 365.450.483          | 365.450.483               | Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 111.360.780          | 111.360.780               |
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ       | Quá hạn trên 03 năm               | 179.406.753          | 111.360.780               | Quá hạn trên 03 năm               | 68.045.973           | -                         |
| <b>Cộng</b>                          |                                   | <b>1.858.823.185</b> | <b>632.336.086</b>        |                                   | <b>2.147.446.573</b> | <b>849.981.676</b>        |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 1.297.464.897        | 1.042.936.842        |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                    | 254.528.055          |
| Hoàn nhập dự phòng         | (70.977.798)         | -                    |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>1.226.487.099</b> | <b>1.297.464.897</b> |

**6. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm          |                      | Số đầu năm           |          |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------|
|                                      | Giá gốc              | Dự phòng             | Giá gốc              | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 100.432.905          | -                    | 70.927.280           | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 4.169.212.571        | -                    | 3.062.518.254        | -        |
| Hàng hóa                             | 936.353.400          | (280.906.020)        | 936.353.400          | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>5.205.998.876</b> | <b>(280.906.020)</b> | <b>4.069.798.934</b> | <b>-</b> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

|                              | Năm nay            | Năm trước |
|------------------------------|--------------------|-----------|
| Số đầu năm                   | -                  | -         |
| Trích lập dự phòng trong năm | 280.906.020        | -         |
| <b>Số cuối năm</b>           | <b>280.906.020</b> | <b>-</b>  |

**7. Tài sản cố định hữu hình**

|                                          | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                  |
|------------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá                               |                           |                        |                                    |                              |                       |
| Số đầu năm                               | 3.447.096.107             | 4.069.596.144          | 2.521.873.630                      | 643.762.615                  | 10.682.328.496        |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                         | -                      | (281.592.500)                      | -                            | (281.592.500)         |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>3.447.096.107</b>      | <b>4.069.596.144</b>   | <b>2.240.281.130</b>               | <b>643.762.615</b>           | <b>10.400.735.996</b> |
| Trong đó:                                |                           |                        |                                    |                              |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | 2.500.964.901             | 1.563.255.053          | 1.292.244.767                      | 643.762.615                  | 6.000.227.336         |
| Chờ thanh lý                             | -                         | 2.506.341.091          | -                                  | -                            | 2.506.341.091         |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                        | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                 |
|------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|----------------------|
| <b>Giá trị hao mòn</b> |                           |                        |                                    |                              |                      |
| Số đầu năm             | 2.961.584.937             | 4.010.735.217          | 1.936.364.499                      | 643.762.615                  | 9.552.447.268        |
| Khấu hao trong năm     | 36.389.664                | 58.860.927             | 94.803.636                         | -                            | 190.054.227          |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                         | -                      | (281.592.500)                      | -                            | (281.592.500)        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>2.997.974.601</b>      | <b>4.069.596.144</b>   | <b>1.749.575.635</b>               | <b>643.762.615</b>           | <b>9.460.908.995</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                           |                        |                                    |                              |                      |
| Số đầu năm             | 485.511.170               | 58.860.927             | 585.509.131                        | -                            | 1.129.881.228        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>449.121.506</b>        | <b>-</b>               | <b>490.705.495</b>                 | <b>-</b>                     | <b>939.827.001</b>   |
| <i>Trong đó:</i>       |                           |                        |                                    |                              |                      |
| Tạm thời chưa sử dụng  | -                         | -                      | -                                  | -                            | -                    |
| Đang chờ thanh lý      | -                         | -                      | -                                  | -                            | -                    |

**8. Tài sản cố định vô hình**

|                    | Nguyên giá         | Hao mòn lũy kế     | Giá trị còn lại   |
|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| Số đầu năm         | 242.065.930        | 177.843.712        | 64.222.218        |
| Mua trong năm      | 23.500.000         |                    |                   |
| Khấu hao trong năm |                    | 50.263.890         |                   |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>265.565.930</b> | <b>228.107.602</b> | <b>37.458.328</b> |

Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng có nguyên giá là 106.065.930 VND.

**9. Đầu tư vào Công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Đông Tây PTCO.

*Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Tình hình hoạt động của công ty con*

Công ty TNHH MTV Đông Tây PTCO đang hoạt động kinh doanh bình thường.

*Giao dịch với công ty con*

Công ty phát sinh giao dịch với Công ty con như sau:

|                     | Năm nay       | Năm trước     |
|---------------------|---------------|---------------|
| Cung cấp dịch vụ    | 3.013.372.084 | 7.894.277.031 |
| Mua hàng hóa        | 1.232.354.319 | 1.208.930.727 |
| Lợi nhuận được chia | -             | 45.170.447    |

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

|                  | Số cuối năm        | Số đầu năm           |
|------------------|--------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 160.434.010        | 171.241.989          |
| Thuế nhà đất     | 20.187.954         | 30.281.931           |
| Tiền thuê đất    | 553.816.299        | 830.724.447          |
| <b>Cộng</b>      | <b>734.438.263</b> | <b>1.032.248.367</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                                           | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i>                         | <i>2.580.707.512</i>  | <i>1.329.823.801</i>  |
| Công ty TNHH MTV Đông Tây PTCO                            | 2.580.707.512         | 1.329.823.801         |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>                     | <i>11.093.838.184</i> | <i>12.752.901.965</i> |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Asiana                       | 7.084.725.963         | 6.261.055.054         |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Cơ khí Sản xuất Song Lộc | 1.086.712.801         | 505.609.555           |
| Các nhà cung cấp khác                                     | 2.922.399.420         | 5.986.237.356         |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>13.674.545.696</b> | <b>14.082.725.766</b> |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | Số đầu năm           |                      | Số phát sinh trong năm |                        | Số cuối năm        |                      |
|----------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|--------------------|----------------------|
|                            | Phải nộp             | Phải thu             | Số phải nộp            | Số đã thực nộp         | Phải nộp           | Phải thu             |
| Thuế GTGT hàng bán         |                      |                      |                        |                        |                    |                      |
| nội địa                    | 826.160.184          | 2.722.177.350        | 1.451.678.102          | (1.341.515.822)        | 229.754.160        | 2.015.609.046        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 323.196.848          | -                    | 450.335.614            | (394.406.985)          | 379.125.477        | -                    |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                    | 112.342.360          | (39.932.562)           | (1.226.300)            | -                  | 153.501.222          |
| Tiền thuế đất              | -                    | -                    | 476.115.854            | (476.115.854)          | -                  | -                    |
| Các loại thuế khác         | -                    | -                    | 3.000.000              | (3.000.000)            | -                  | -                    |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.149.357.032</b> | <b>2.834.519.710</b> | <b>2.341.197.008</b>   | <b>(2.216.264.961)</b> | <b>608.879.637</b> | <b>2.169.110.268</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                                          | Năm nay            | Năm trước          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                        | 1.968.673.383      | 1.976.478.316      |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                    |                    |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                              | 283.004.688        | 4.538.859          |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                              | -                  | (196.360.380)      |
| Thu nhập chịu thuế                                                                                       | 2.251.678.071      | 1.784.656.795      |
| Thu nhập được miễn thuế                                                                                  | -                  | (45.170.447)       |
| Thu nhập tính thuế                                                                                       | 2.251.678.071      | 1.739.486.348      |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                     | 20%                | 20%                |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                               | <b>450.335.614</b> | <b>347.897.270</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 12.461,7 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh với mức 103.680 VND/m<sup>2</sup> đối với diện tích đất làm văn phòng và mức 36.855 VND/m<sup>2</sup> với diện tích đất làm xưởng sản xuất.

#### Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 13. Phải trả người lao động

Tiền lương bổ sung và quỹ dự phòng lương còn phải trả.

#### 14. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

##### 14a. Phải trả ngắn hạn khác

|                               | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|-------------------------------|-------------|-------------|
| Kinh phí công đoàn            | 24.020.800  | 25.697.340  |
| Bảo hiểm y tế                 | 14.995.458  | -           |
| Bảo hiểm thất nghiệp          | 7.344.810   | 243.070     |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 255.708.000 | 184.783.348 |
| Cổ tức phải trả               | 372.352.500 | 395.091.500 |
| Phải trả cho các đội thi công | -           | 115.371.012 |
| Cộng                          | 674.421.568 | 721.186.270 |

##### 14b. Phải trả dài hạn khác

|                                                         | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|---------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Viễn thông TP. Hồ Chí Minh - Phải trả trước cổ phần hóa | 5.895.980.305 | 8.937.901.775 |
| Nhận ký quỹ dài hạn                                     | 910.552.495   | 865.110.000   |
| Cộng                                                    | 6.806.532.800 | 9.803.011.775 |

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                 | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|------------|--------------------------------|-------------------|-------------|
| Quỹ khen thưởng | 10.000.000 | -                              | -                 | 10.000.000  |
| Quỹ phúc lợi    | 15.992.060 | 49.721.243                     | (5.000.000)       | 60.713.303  |
| Cộng            | 25.992.060 | 49.721.243                     | (5.000.000)       | 70.713.303  |

#### 16. Vốn chủ sở hữu

##### 16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                                        | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 3.600.000.000         | 3.600.000.000         |
| Các cổ đông khác                       | 8.400.000.000         | 8.400.000.000         |
| <b>Cộng</b>                            | <b>12.000.000.000</b> | <b>12.000.000.000</b> |

**16c. Cổ phiếu**

|                                     | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.200.000   | 1.200.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -           | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -           | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 1.200.000   | 1.200.000  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -           | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                             | Năm nay               | Năm trước             |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa      | 1.699.301.000         | 1.443.820.000         |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 27.463.834.213        | 30.094.270.625        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ  | 3.215.258.188         | 3.010.608.504         |
| <b>Cộng</b>                 | <b>32.378.393.401</b> | <b>34.548.699.129</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho công ty con với số tiền là 3.013.372.084 VND (năm trước là 8.014.729.718 VND).

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ | 1.616.125.900         | 1.351.319.910         |
| Giá vốn hoạt động xây lắp        | 23.500.183.967        | 26.182.509.699        |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ         | 120.960.000           | 55.461.990            |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho   | 280.906.020           | -                     |
| <b>Cộng</b>                      | <b>25.518.175.887</b> | <b>27.589.291.599</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                           | Năm nay          | Năm trước         |
|---------------------------|------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn    | 92.602           | 3.804.908         |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 1.682.922        | 2.684.192         |
| Lợi nhuận được chia       | -                | 45.170.447        |
| Cộng                      | <u>1.775.524</u> | <u>51.659.547</u> |

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                                 | Năm nay              | Năm trước            |
|-------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên                           | 3.002.734.368        | 3.372.393.655        |
| Chi phí vật liệu quản lý                        | 10.010.292           | 14.914.838           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                       | 70.193.952           | 70.482.832           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                | 101.546.329          | 97.969.668           |
| Thuế, phí và lệ phí                             | 803.465.378          | 792.972.012          |
| Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi | (70.977.798)         | 254.528.055          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                       | 109.659.483          | 387.006.715          |
| Các chi phí khác                                | 512.216.963          | 574.891.066          |
| Cộng                                            | <u>4.538.848.967</u> | <u>5.565.158.841</u> |

**5. Thu nhập khác**

|                                          | Năm nay           | Năm trước          |
|------------------------------------------|-------------------|--------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 12.500.000        | 36.363.636         |
| Thu nhập do xử lý công nợ đã tồn lâu     | 90.000            | 188.650.407        |
| Thu nhập khác                            | 1.344.000         | 310.094.896        |
| Cộng                                     | <u>13.934.000</u> | <u>535.108.939</u> |

**6. Chi phí khác**

|                           | Năm nay            | Năm trước        |
|---------------------------|--------------------|------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 6.540.753          | 4.538.859        |
| Chi phí khác              | 276.463.935        | -                |
| Cộng                      | <u>283.004.688</u> | <u>4.538.859</u> |

**7. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm nay               | Năm trước             |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 3.202.373.537         | 5.617.555.761         |
| Chi phí nhân công                | 9.321.680.008         | 10.137.930.523        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 240.318.117           | 385.028.666           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 13.235.915.979        | 13.014.472.096        |
| Chi phí khác                     | 3.145.439.610         | 3.317.636.750         |
| Cộng                             | <u>29.145.727.251</u> | <u>32.472.623.796</u> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                        | Số cuối năm | Số đầu năm    |
|------------------------|-------------|---------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 864.000.000 | 1.728.000.000 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | -           | 864.000.000   |
| Cộng                   | 864.000.000 | 2.592.000.000 |

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 303.000.372 VND (năm trước là 321.514.882 VND).

#### 2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác                     | Mối quan hệ |
|----------------------------------------|-------------|
| Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | Cổ đông lớn |
| Công ty TNHH MTV Đông Tây PTCO         | Công ty con |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.4 và V.11.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Thông tin về bộ phận

##### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng công trình bưu chính, viễn thông và cung cấp các thiết bị viễn thông.

##### Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra ở TP. Hồ Chí Minh.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

Phạm Thị Huệ  
Người lập biểu

  
Phạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng



  
Thân Quốc Tường  
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ  
PHẦN DỊCH  
VỤ - XÂY  
DỰNG  
CÔNG TRÌNH  
BƯU ĐIỆN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG  
CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN  
DN: E=ngocuyenlt@gmail.com,  
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH  
VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH  
BƯU ĐIỆN, O=MST:0304731322,  
L="49 Bis Trần Bình Trọng,  
Phường 5, Quận Bình Thạnh,  
Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt  
Nam", C=VN  
Reason: I am the author of this  
document  
Location: your signing location  
here  
Date: 2020-03-30 11:12:44  
Foxit Reader Version: 9.7.1

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: 49 bis Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                      | Vốn góp<br>của chủ sở hữu | Vốn khác<br>của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ khác<br>thuộc vốn<br>chủ sở hữu | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng           |
|----------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|
| Số dư đầu năm trước  | 12,000,000,000            | 3,193,343,430              | 1,130,685,378            | 249,191,184                         | (1,779,193,556)                         | 14,794,026,436 |
| Lợi nhuận trong năm  | -                         | -                          | -                        | -                                   | 1,628,581,046                           | 1,628,581,046  |
| Tăng (giảm) khác     | -                         | -                          | -                        | (249,191,184)                       | 249,191,184                             | -              |
| Số dư cuối năm trước | 12,000,000,000            | 3,193,343,430              | 1,130,685,378            | -                                   | 98,578,674                              | 16,422,607,482 |
| Số dư đầu năm nay    | 12,000,000,000            | 3,193,343,430              | 1,130,685,378            | -                                   | 98,578,674                              | 16,422,607,482 |
| Lợi nhuận trong năm  | -                         | -                          | -                        | -                                   | 1,518,337,769                           | 1,518,337,769  |
| Trích lập các quỹ    | -                         | -                          | -                        | 48,857,431                          | (98,578,674)                            | (49,721,243)   |
| Chuyển quỹ           | -                         | 23,500,000                 | (23,500,000)             | -                                   | -                                       | -              |
| Số dư cuối năm nay   | 12,000,000,000            | 3,216,843,430              | 1,107,185,378            | 48,857,431                          | 1,518,337,769                           | 17,891,224,008 |

Đơn vị tính: VND

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020



*Phạm Thị Huệ*  
Phạm Thị Huệ  
Kế toán trưởng

*Thân Quốc Tường*  
Thân Quốc Tường  
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Huệ  
Người lập